

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu¹ không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

¹ Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSĐT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm¹

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSĐT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm thi công xây dựng trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSĐT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSĐT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của ____ [*ghi căn cứ xác định tỷ giá quy đổi, thông thường áp dụng tỷ giá bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam*] tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09C Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

¹ Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, E-HSMT có thể bao gồm tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc không bao gồm tiêu chuẩn này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSĐT). Nhà thầu không phải cung cấp tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm để đối chiếu trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm);

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 ⁽¹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽²⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế ⁽³⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁴⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08A
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁵⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08A

	(không bao gồm thuế VAT)	_1.203.435.000.000_ ⁽⁶⁾ VND.		cầu này		
3.3	Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu	<p><i>Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng hoặc không yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng.</i></p> <p><i>- Trường hợp có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng thì quy định như sau:</i></p> <p>“Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao⁽⁷⁾, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 240.687.000.000⁽⁸⁾VND.</p> <p>Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị tối thiểu: 240.687.000.000⁽⁸⁾VND; - Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực đến ngày 30 tháng 12 năm 2026; - Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu.” 	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08B, 08C
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự⁽⁹⁾	<p><i>Căn cứ vào tính chất, điều kiện cụ thể của gói thầu, Chủ đầu tư yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự hoặc không yêu cầu kinh nghiệm thực hiện</i></p>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương	Mẫu số 05

		<p><i>hợp đồng tương tự.</i></p> <p>- Trường hợp gói thầu chưa từng được thực hiện tại Việt Nam mà cần khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam để phát triển nội lực thì chủ đầu tư được quyết định yêu cầu về kinh nghiệm phù hợp hoặc chọn “Không áp dụng” yêu cầu về nội dung này.</p> <p>- Trường hợp có yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự thì chọn “Áp dụng” và quy định như sau:</p> <p>1. Trường hợp gói thầu chỉ bao gồm 01 công trình độc lập (ví dụ công trình A):</p> <p>Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư chọn một trong hai cách dưới đây: ____</p> <p>“Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020⁽¹⁰⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn⁽¹¹⁾ tối thiểu 01 công trình có: loại kết cấu: Bê tông xi măng M350/45, cấp: I trở lên [ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu]⁽¹²⁾, có giá trị là 401.000.000.000 VNĐ⁽¹³⁾ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý⁽¹⁴⁾ hoặc nhà thầu phụ.</p> <p>Ngoài ra, căn cứ tính chất của gói thầu, có thể quy định điều kiện tương tự về hiện trường nhưng phải bảo đảm không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu.</p>			<p>với phần công việc đảm nhận)</p>	
--	--	---	--	--	-------------------------------------	--

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian yêu cầu thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm

2022 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

(Ví dụ: ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(4) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(5) Ghi số năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trường hợp doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu vào sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, năm Y-2...).

Ví dụ:

- Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

- Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(6) Cách tính toán về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2;

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k.

Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

(7) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và nhà thầu sử dụng cam kết này để chứng minh nguồn lực tài chính thì nhà thầu phải đính kèm bản scan cam kết cung cấp tín dụng trong E-HSDT.

(8) Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:

a) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = t x (Giá gói thầu/thời gian thực hiện gói thầu (tính theo tháng)).

Thông thường yêu cầu hệ số “t” trong công thức này là 3.

b) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = 30% x Giá gói thầu.

(9) Trường hợp gói thầu gồm công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng thì chỉ nêu yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với công trình. Đối với các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(10) Ghi năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và có thời gian thực hiện hợp đồng lớn hơn 36 tháng, chủ đầu tư có thể quy định năm yêu cầu từ 03 năm đến 08 năm.

(11) Hoàn thành toàn bộ nghĩa là đã thực hiện xong toàn bộ công việc của công trình/hạng mục và được nghiệm thu; hoàn thành phần lớn nghĩa là đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình/hạng mục công trình. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(12) Ghi loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu. Loại kết cấu, cấp công trình được xác định theo Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng

và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. Trường hợp công trình/loại kết cấu công trình thuộc gói thầu không có trong Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD thì E-HSMT phải đưa ra quy định tính tương tự về bản chất của công trình; riêng đối với cấp công trình được xác định theo Phụ lục I Thông tư số 06/2021/TT-BXD. Trường hợp Thông tư số 06/2021/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì việc xác định loại, cấp công trình thực hiện theo quy định tại Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

Loại kết cấu, cấp công trình của nhà thầu thực hiện được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

Chủ đầu tư không được đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với hạng mục trong trường hợp gói thầu chỉ gồm công trình hoặc cả công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng (Ví dụ: yêu cầu hợp đồng tương tự đối với công trình giao thông cấp IV nhưng phải bao gồm hạng mục nền đắp đất, cấp phối đá dăm, mặt bê tông nhựa hoặc bê tông, rãnh thoát nước dọc, ngang, mái kè gia cố...).

(13) Ghi giá trị của V, V1, V2, V3. Trong đó:

- V có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị công việc xây lắp của công trình thuộc gói thầu đang xét (công trình A). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V trong khoảng 40% - 50% giá trị công việc xây lắp của công trình A.

- V1, V2, V3... có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị của từng công trình/hạng mục tương ứng (A1, A2, A3...) thuộc gói thầu đang xét (bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng nếu có). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V1, V2, V3... trong khoảng 40% - 50% giá trị của công trình/hạng mục A1, A2, A3...

- Việc đánh giá về giá trị của các công trình/hạng mục mà nhà thầu đã thực hiện, Tổ chuyên gia căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu của công trình/hạng mục đó. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(Hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình đang xét, giá trị hoàn thành mỗi công trình cấp thấp hơn liền kề bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của công trình đang xét thì được đánh giá là một công trình xây lắp tương tự).

Ví dụ: Trường hợp công trình đang xét là công trình xây dựng có loại kết cấu dạng nhà cấp II với giá trị công trình là 60 tỷ đồng, nếu nhà thầu có 2 công trình xây dựng có loại kết cấu dạng nhà cấp III với giá trị đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn lần lượt là 30 tỷ đồng, 50 tỷ đồng thì được coi là đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn một công trình dân dụng cấp II với giá trị 30 tỷ đồng.

- Các công trình/hạng mục tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành có thể thuộc một hoặc nhiều hợp đồng (hợp đồng có thể đang thực hiện, chưa thanh lý).

- Đối với gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình theo pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư có thể yêu cầu phải hoàn thành công trình/hạng mục tương tự cho tất cả các công trình/hạng mục trong gói thầu hoặc chỉ yêu cầu hoàn thành công trình/hạng mục tương tự đối với một số công trình/hạng mục chính, trường hợp có một số công trình có cùng loại kết cấu thì chỉ yêu cầu về công trình/hạng mục tương tự đối với cùng loại kết cấu mà có cấp công trình cao nhất (trường hợp có nhiều công trình cùng loại kết cấu và cấp công trình thì giá trị hợp đồng tương tự được tính theo công trình có giá trị cao nhất). Công trình/hạng mục mà nhà thầu đã hoàn thành có cùng loại kết cấu và có cấp công trình cao hơn cấp công trình của gói thầu đang xét thì được coi là đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu và cấp công trình.

Loại kết cấu, cấp công trình của công trình tương tự được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

Ví dụ: Đối với gói thầu xây dựng “Trường trung học phổ thông A”, bao gồm tổ hợp các công trình:

+ Nhà A1 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 8.000 m², có giá trị theo dự toán được duyệt là (2X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A2 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 5.000 m², có giá trị theo dự toán được duyệt là (X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A3 (Nhà học): Cao 6 tầng, tổng diện tích sàn 1.000 m², có giá trị theo dự toán được duyệt là (Y) VND. Nhà A2 là công trình kết cấu dạng nhà cấp III theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Hàng rào bảo vệ: Cao 3 m

+ Nhà bảo vệ: Cao 1 tầng, diện tích sàn 12 m²

Trong E-HSMT có thể quy định kinh nghiệm thi công công trình tương tự là: “nhà thầu đã hoàn thành công trình xây dựng nhà, kết cấu dạng nhà cấp II, có giá trị tối thiểu là 50% x (2X) VND” mà không phải quy định nhà thầu phải có kinh nghiệm thực hiện cả các công trình xây dựng nhà A2, A3, hàng rào bảo vệ, nhà bảo vệ.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tương tự về điều kiện hiện trường.

(14) Nhà thầu quản lý là nhà thầu không trực tiếp thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc của gói thầu mà ký hợp đồng với các nhà thầu khác để thực hiện nhưng nhà thầu vẫn quản lý việc thực hiện của các nhà thầu mà mình đã ký hợp đồng, đồng thời vẫn chịu toàn bộ trách nhiệm cũng như rủi ro liên quan đến giá thành, tiến độ thực hiện, chất lượng và các nội dung khác của gói thầu.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

a) Nhân sự chủ chốt:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng mà chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt trong E-HSMT cho phù hợp như chỉ huy trưởng công trường, cán bộ phụ trách kỹ thuật, an toàn lao động và các vị trí công việc quan trọng khác. E-HSMT không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông.

Nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu về việc có đủ nhân sự chủ chốt đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở đánh giá. Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhà thầu được xếp thứ nhất, nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế tối đa hai lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại và bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSMT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu.

Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất tại các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống)

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự ⁽¹⁾	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn ⁽²⁾
1	Chỉ huy trưởng công trường	01	- Tối thiểu 07 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng.	<p>- Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành đào tạo về công trình giao thông đường bộ/ sân bay và có thời gian kinh nghiệm tham gia hoạt động xây dựng từ 07 năm trở lên.</p> <p>Đã làm chỉ huy trưởng công trường ít nhất 01 công trình giao thông đường bộ/ hàng không khu bay, cấp I trở lên (02 công trình cấp II sẽ được quy đổi tương đương 01 công trình cấp I cùng tính chất và chỉ được quy đổi 01 lần).</p> <p>- Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh: + Bằng cấp/ chứng nhận. + Tài liệu chứng minh kinh nghiệm làm việc (số năm kinh nghiệm, xác nhận của CĐT hoặc các tài liệu chứng minh về đảm nhiệm vị trí tương tự, loại, cấp công trình).</p> <p>+ Hợp đồng lao động/ hợp đồng thuê nhân sự.</p>
2	Chỉ huy trưởng thành viên liên danh Đối với trường hợp nhà thầu tham dự gói thầu này theo hình thức liên	01	- Tối thiểu 07 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng.	<p>- Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành đào tạo phù hợp với phần công việc mà thành viên liên danh đảm nhận và có thời gian kinh nghiệm tham gia hoạt động xây dựng từ 07 năm trở lên.</p> <p>- Đã làm chỉ huy trưởng công trường ít nhất 01 công trình cấp I phù hợp với phần công việc mà thành viên liên danh đảm nhận (02 công trình cấp II sẽ được quy đổi tương đương 01 công trình cấp I cùng tính chất và chỉ được quy đổi 01 lần).</p>

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự ⁽¹⁾	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn ⁽²⁾
	<p>danh. Mỗi thành viên liên danh còn lại phải cung cấp 01 vị trí nhân sự CHT thỏa mãn điều kiện và yêu cầu mục này tương ứng phần công việc mà thành viên liên danh đảm nhận</p>			<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh: + Bằng cấp/ chứng nhận. + Tài liệu chứng minh kinh nghiệm làm việc (số năm kinh nghiệm, xác nhận của CĐT hoặc các tài liệu chứng minh về đảm nhiệm vị trí tương tự, loại, cấp công trình). + Hợp đồng lao động/ hợp đồng thuê nhân sự.
3	Cán bộ phụ trách an toàn, vệ sinh lao động	02	- Tối thiểu 05 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng.	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành đào tạo về an toàn lao động, bảo hộ lao động hoặc tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành đào tạo về công trình giao thông đường bộ/ sân bay hoặc kỹ thuật xây dựng công trình. - Có chứng chỉ/ chứng nhận bồi dưỡng/ đào tạo về an toàn, vệ sinh lao động dành cho Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động (còn hiệu lực). - Đã phụ trách công tác an toàn lao động tối thiểu 01 công trình giao thông đường bộ/ hàng không khu bay. - Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh: + Bằng cấp/ chứng nhận. + Tài liệu chứng minh kinh nghiệm làm việc (số năm kinh nghiệm, xác nhận của CĐT hoặc các tài liệu chứng minh về đảm nhiệm vị trí tương tự, loại, cấp công

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự ⁽¹⁾	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn ⁽²⁾
				trình). + Hợp đồng lao động/ hợp đồng thuê nhân sự.
4	Cán bộ phụ trách thi công công tác xây dựng công trình giao thông	≥ 10	- Tối thiểu 05 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng.	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành xây dựng công trình giao thông /sân bay/cầu đường. - Đã tham gia thi công xây dựng ít nhất 01 công trình giao thông đường bộ/ hàng không khu bay, cấp I trở lên. - Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh: <ul style="list-style-type: none"> + Bằng cấp/ chứng nhận. + Tài liệu chứng minh kinh nghiệm làm việc (số năm kinh nghiệm, xác nhận của CĐT hoặc các tài liệu chứng minh về đảm nhiệm vị trí tương tự, loại, cấp công trình). + Hợp đồng lao động/ hợp đồng thuê nhân sự.
5	Cán bộ phụ trách công tác thí nghiệm	≥ 02	- Tối thiểu 05 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng.	<ul style="list-style-type: none"> - Có bằng cao đẳng trở lên chuyên ngành phù hợp với công việc được giao. Có chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành phù hợp, còn hiệu lực. - Đã là cán bộ phụ trách/tham gia công tác thí nghiệm ít nhất 01 công trình giao thông đường bộ/ hàng không khu bay, cấp I trở lên. - Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh: <ul style="list-style-type: none"> + Bằng cấp/ chứng nhận. + Tài liệu chứng minh kinh nghiệm làm việc (số năm kinh nghiệm, xác nhận của CĐT hoặc các tài liệu chứng minh về đảm nhiệm vị trí tương tự, loại, cấp công trình).

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự ⁽¹⁾	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn ⁽²⁾
				+ Hợp đồng lao động/ hợp đồng thuê nhân sự.
6	Cán bộ phụ trách thi công công tác lắp đặt thiết bị	≥ 02	- Tối thiểu 05 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng.	<p>- Tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với công việc được giao.</p> <p>- Đã là cán bộ phụ trách/ tham gia thi công công tác lắp đặt thiết bị công trình giao thông đường bộ/ hàng không khu bay cấp I trở lên hoặc thi công hạng mục hệ thống điện của 01 công trình giao thông đường bộ/ hàng không khu bay cấp I trở lên.</p> <p>- Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh:</p> <p>+ Bằng cấp/ chứng nhận.</p> <p>+ Tài liệu chứng minh kinh nghiệm làm việc (số năm kinh nghiệm, xác nhận của CĐT hoặc các tài liệu chứng minh về đảm nhiệm vị trí tương tự, loại, cấp công trình)..</p> <p>+ Hợp đồng lao động/ hợp đồng thuê nhân sự.</p>
7	Cán bộ phụ trách hồ sơ quản lý chất lượng, thanh toán, quyết toán.	≥ 02	- Tối thiểu 05 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng.	<p>- Có bằng đại học trở lên chuyên ngành xây dựng/ kinh tế xây dựng.</p> <p>- Đã là cán bộ phụ trách/ tham gia công tác lập hồ sơ quản lý chất lượng/ thanh toán, quyết toán ít nhất 01 công trình giao thông đường bộ/ hàng không khu bay.</p> <p>- Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh:</p> <p>+ Bằng cấp/ chứng nhận.</p> <p>+ Tài liệu chứng minh kinh nghiệm làm việc (số năm kinh nghiệm, xác nhận của CĐT hoặc các tài liệu chứng minh về đảm nhiệm vị trí tương tự, loại, cấp công trình).</p>

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự ⁽¹⁾	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn ⁽²⁾
				+ Hợp đồng lao động/ hợp đồng thuê nhân sự.

Ghi chú:

(1) Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về điều kiện hành nghề đối với vị trí công việc nêu tại Bảng này trong đó có nêu rõ yêu cầu về cấp công trình thì cấp công trình theo hợp đồng mà nhân sự chủ chốt đã tham gia được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo hợp đồng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu

Căn cứ vào quy mô, tính chất cụ thể của gói thầu, Chủ đầu tư đưa ra các yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị thi công chủ yếu đối với các thiết bị quan trọng, đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thi công gói thầu.

Nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu về việc có thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở đánh giá. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhà thầu được xếp thứ nhất và thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế tối đa hai lần đối với từng thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại và bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị thi công chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu (Webform trên Hệ thống)

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Trạm trộn BTXM $\geq 120 \text{ m}^3/\text{h}$	03
2	Máy rải BTXM (SP500 hoặc tương đương trở lên)	04
3	Ô tô vận chuyển bê tông	12
4	Máy rải BTN $\geq 130 \text{ CV}$	02
5	Ô tô vận chuyển bê tông nhựa	06
6	Máy lu bánh thép tự hành $\geq 10 \text{ T}$	08
7	Máy lu bánh hơi tự hành $\geq 16 \text{ T}$	04
8	Máy lu rung tự hành $\geq 25\text{T}$	06
9	Máy ủi $\geq 110 \text{ CV}$	04
10	Máy san $\geq 110 \text{ CV}$	02
11	Máy đào $\geq 1,25 \text{ m}^3$	06
12	Máy rải cấp phối đá dăm $\geq 50 \text{ m}^3/\text{h}$	02
13	Ô tô vận chuyển vật liệu 10T-22T	18
14	Ô tô tưới nước $\geq 5 \text{ m}^3$	02
15	Máy phát điện công suất 125kVA-350kVA	03
16	Máy cắt rãnh kháng trượt	02
17	Máy cắt khe	02

Ghi chú:

- Ngoài các thiết bị nêu trên, nhà thầu có thể đề xuất các thiết bị khác đảm bảo thi công công trình đạt chất lượng và tiến độ dự thầu;

- Nhà thầu phải kê khai thông tin chi tiết về các thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu theo biểu mẫu quy định của E-HSMT. Nhà thầu cung cấp Hóa đơn hoặc giấy tờ hợp lệ để chứng minh nhà thầu sở hữu thiết bị. Đối với thiết bị đi thuê nhà thầu cung cấp hợp đồng thuê thiết bị và giấy tờ sở hữu của bên cho thuê;

- Nhà thầu không lắp đặt trạm trộn bê tông xi măng, bê tông nhựa thì phải có hợp đồng nguyên tắc cung cấp hỗn hợp BTXM, BTN đảm bảo các yêu cầu của dự án.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có): Không áp dụng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

- Tiến độ thi công;

- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn

hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm³:

Sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 1000 để đánh giá về kỹ thuật. Mức điểm yêu cầu tối thiểu quy định không thấp hơn 80% tổng số điểm về kỹ thuật. E-HSMT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Stt	Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
		(với thang điểm 1000)	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
I	Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công (Tùy theo mức độ đáp ứng các yêu cầu để chấm điểm)	480	384
1	Mức độ đáp ứng yêu cầu về vật tư, vật liệu, cấu kiện, thiết bị	180	144
1.1	Mức độ đáp ứng yêu cầu về vật tư, vật liệu, cấu kiện chính phần xây dựng:	0→100	80
	- Phạm vi yêu cầu bao gồm các loại vật tư, vật liệu, cấu kiện chủ yếu sau:	(Mỗi loại vật tư, vật liệu, cấu kiện	

³ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.2 Mục 3 Chương này.

Stt	Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
		(với thang điểm 1000)	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
	<ul style="list-style-type: none"> + Đá các loại: Đá dùng cho mặt đường BTXM, BTN, cấp phối đá dăm. + Cát xây dựng: Cát dùng cho BTXM, BTN. + Xi măng dùng cho mặt đường BTXM. + Thép các loại theo yêu cầu thiết kế: Thép tròn $D \leq 10$, $10 < D \leq 18$, $D > 18$,... + Cống thoát nước bê tông cốt thép đúc sẵn các loại. + Lớp cách ly HDPE. + Phụ gia BTXM (nếu có), chất bảo dưỡng. + Mastic chèn khe. + Nhựa đường (* <i>Trường hợp nhà thầu đề xuất sử dụng BTN thương phẩm thì phải cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh thành phần của BTN thương phẩm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật dự án</i>). + Sơn tín hiệu. 	trương ứng 10 điểm)	
	- Nội dung đánh giá:		
	+ Có hợp đồng nguyên tắc hoặc cam kết cung cấp vật tư, vật liệu để thi công theo yêu cầu Hồ sơ thiết kế và E-HSMT: 04 điểm/01 vật tư, vật liệu, cấu kiện.		
	+ Có nêu rõ và cung cấp tài liệu chứng minh về nhãn hiệu (đối với vật tư, vật liệu, cấu kiện là sản phẩm, hàng hóa), nguồn gốc, xuất xứ vật tư, vật liệu, cấu kiện: 03 điểm/01 vật tư, vật liệu, cấu kiện. <i>(Đối với vật liệu sử dụng từ nguồn mỏ vật liệu: Cung cấp tài liệu chứng minh về giấy phép khai thác mỏ, đảm bảo trữ lượng và thời gian khai thác)</i>		
	+ Có nêu rõ và cung cấp tài liệu chứng minh về đặc tính kỹ thuật, chứng nhận hợp chuẩn hợp quy (theo quy định) các vật tư, vật liệu, cấu kiện đưa vào sử dụng cho công trình đảm bảo đáp ứng yêu cầu hồ sơ		

Stt	Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
		(với thang điểm 1000)	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
	thiết kế và E-HSMT: 03 điểm/01 vật tư, vật liệu, cấu kiện.		
1.2	Phần hệ thống/Thiết bị khu bay: + Hệ thống đèn hiệu hàng không và biển báo. + Hệ thống cấp nguồn (gồm tủ điện trung thế, thiết bị đóng cắt tủ điện hạ thế và tủ ATS, máy phát điện, UPS, thiết bị chống sét, tiếp địa). + Dây cáp điện	0→80	64
	+ Nhà thầu phải nêu rõ nhãn hiệu (nhà sản xuất), xuất xứ, ký mã hiệu (model) của hệ thống/thiết bị/vật tư chào thầu		
	+ Nhà thầu cung cấp Catalogue/tài liệu kỹ thuật/thuyết minh kỹ thuật của nhà sản xuất/Bản vẽ thiết kế của nhà sản xuất để chứng minh hệ thống/thiết bị/vật tư chào thầu đáp ứng theo yêu cầu Hồ sơ thiết kế và E-HSMT.		
	+ Nhà thầu chỉ được chào 1 Nhãn hiệu/Nhà sản xuất, 1 Chủng loại/Mã hiệu. Nhà thầu chào thầu 02 Nhãn hiệu/Nhà sản xuất hoặc 02 Chủng loại/mã hiệu trở lên thì hạng mục vật tư/thiết bị đó được đánh giá điểm kỹ thuật là “0” điểm		
1.2.1	Yêu cầu chung: Nguyên tắc chấm điểm: Nhà thầu đáp ứng tất cả tiêu chí của yêu cầu kỹ thuật chung sẽ được chấm đạt điểm tối đa. Nhà thầu không đáp ứng 1 tiêu chí trong phần yêu cầu kỹ thuật chung sẽ được chấm 0 điểm.	15,0	
1.2.1.1	Năm sản xuất thiết bị (Hệ thống đèn hiệu hàng không và biển báo, Tủ trung thế, máy phát điện, UPS, tủ điện hạ thế, tủ ATS): năm 2025 trở về sau		

Stt	Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
		(với thang điểm 1000)	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
1.2.1.2	Chất lượng thiết bị (Hệ thống đèn hiệu hàng không và biển báo, Tủ trung thế, máy phát điện, UPS, tủ điện hạ thế, tủ ATS): Mới 100%		
1.2.1.3	Xuất xứ thiết bị (Hệ thống đèn hiệu hàng không và biển báo): Thuộc các nước G7 hoặc EU		
1.2.1.4	Nhãn hiệu/nhà sản xuất thiết bị (Tủ trung thế, UPS, máy phát điện, thiết bị đóng cắt trong tủ điện hạ thế và tủ ATS, thiết bị cắt lọc sét): Thuộc các nước G7		
1.2.2	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	65,0	52
1.2.2.1	Hệ thống đèn hiệu hàng không và biển báo có thông số kỹ thuật, tính năng kỹ thuật đáp ứng hoặc tốt hơn yêu cầu của E-HSMT.	0→35	28
1.2.2.2	Hệ thống cấp nguồn (gồm tủ điện trung thế, thiết bị đóng cắt tủ điện hạ thế và tủ ATS, máy phát điện, UPS, thiết bị cắt lọc sét, cọc tiếp địa) có thông số kỹ thuật, tính năng kỹ thuật đáp ứng hoặc tốt hơn yêu cầu của E-HSMT.	0→20	16
1.2.2.3	Dây cáp điện (cáp điện trung thế, cáp điện hạ thế, cáp quang) có thông số kỹ thuật, tính năng kỹ thuật đáp ứng hoặc tốt hơn yêu cầu của E-HSMT.	0→10	
2	Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công:	300	240
2.1	Trình bày rõ giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công, phương án mặt bằng thi công, hướng thi công, tổ chức các đội, mũi thi công, mô tả biện pháp để đảm bảo tiến độ thi công đối với từng công tác chính. Mỗi một công tác thi công phải được phân tích hợp lý, logic, phù hợp với bản vẽ tổ chức thi công, cụ thể như sau:	0→280	

Stt	Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
		(với thang điểm 1000)	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
	Giải pháp thi công phá dỡ công trình hiện trạng	0→30	
	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công đào đắp đất	0→30	
	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công lớp cấp phối đá dăm	0→30	
	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công lớp BTXM cường độ 150/25 và BTXM cường độ 350/45	0→60	
	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công mặt đường BTN	0→50	
	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công hệ thống thoát nước (rãnh, mương, cống thoát nước,...), tường chắn.	0→30	
	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công Hệ thống đèn hiệu, hệ thống cấp nguồn, sửa chữa nhà trạm nguồn,...	0→50	
2.2	Biện pháp tổ chức vận chuyển/tập kết vật tư vật liệu, lắp đặt trạm trộn, kiểm soát an ninh công trường,...	0→20	
II	Tiến độ thi công	100	80
	<i>(Tùy theo mức độ đáp ứng các yêu cầu để chấm điểm)</i>		
1	Tổng tiến độ thi công:	60	
	1.1. Thời gian hoàn thành công trình: Tối đa 180 ngày, bao gồm các thủ tục cấp phép khai thác và đưa công trình vào sử dụng (E-HSDT đề xuất >180 ngày thì không được chấm điểm ở mục này).	0→40	

Stt	Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
		(với thang điểm 1000)	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
	- Có biểu đồ tiến độ thi công chi tiết cho các hạng mục công việc chính.	0→30	
	- Tổng tiến độ thi công rút ngắn so với yêu cầu của E-HSMT, cứ 10 ngày được cộng thêm 5 điểm, tổng điểm cộng không quá 10 điểm.	0→10	
	1.2. Sự phối hợp giữa các công tác thi công, các tổ đội thi công: Hợp lý, logic, khả thi...	0→20	
2	Có biểu đồ huy động phù hợp với tiến độ thi công tổng thể và đảm bảo tính khả thi về:	24	
	Nhân sự	0→8	
	Vật tư, vật liệu	0→8	
	Thiết bị	0→8	
3	Các biện pháp bảo đảm tiến độ thi công, duy trì tiến độ thi công khi có sự cố trong quá trình thi công và biện pháp kiểm soát quá trình và thời gian thực hiện công việc chính giảm thiểu sự chậm trễ.	16	
III	Cách thức quản lý dự án bao gồm: Tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường (Tùy theo mức độ đáp ứng các yêu cầu để chấm điểm)	60	48
1	Hệ thống tổ chức:	20	16
	Có thuyết minh nhiệm vụ, quyền hạn trách nhiệm cụ thể từng vị trí, bộ phận điều hành công trường. Có sơ đồ hệ thống quản lý, tổ chức gồm:		
	- Các bộ phận quản lý tiến độ, chất lượng, khối lượng, khu vực thi công xây dựng; tiến độ mua sắm, vật tư, thiết bị; hợp đồng; an toàn, an ninh; vệ sinh, môi trường; trắc đạc; bản vẽ hoàn công, ...;	0→10	

Stt	Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
		(với thang điểm 1000)	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
	- Các bộ phận gián tiếp phục vụ thi công: quản lý nhân sự; bảo hiểm; tài chính, kế toán; pháp lý; quản lý hồ sơ;...	0→5	
	- Các tổ đội thi công: Công tác đất, công tác vận chuyển, công tác thi công, công tác lắp đặt thiết bị, ...(theo các hạng mục công việc tại mục 2.1)	0→5	
2	Tổ chức mặt bằng công trường, quản lý hiện trường:	40	32
	- Bao gồm: Thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí công ra vào, hàng rào, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công,...Thuyết minh phải phù hợp với bản vẽ tổ chức thi công.	0→20	
	- Bản vẽ mặt bằng tổ chức thi công tổng thể: Được thể hiện trên bản vẽ khổ giấy phù hợp, trong đó thể hiện rõ ràng, khả thi các nội dung sau:	0→20	
	+ Vị trí các tuyến đường chở vật liệu đến kho bãi tập kết và đến vị trí thi công. Vị trí các kho, bãi để cầu kiện, vật liệu xây dựng, xe máy và các thiết bị thi công chủ yếu;	0→4	
	+ Vị trí các mạng kỹ thuật phục vụ yêu cầu thi công (cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc...);	0→4	
	+ Vị trí hàng rào, biển báo, đèn tín hiệu, ngăn vùng nguy hiểm, biện pháp chống sét để đảm bảo an toàn;	0→4	
	+ Vị trí công trình chính, vị trí các nhà tạm, văn phòng và công trình phụ trợ phục vụ cho yêu cầu thi công;	0→4	
	+ Vị trí trạm trộn, vị trí phòng thí nghiệm hiện trường (nếu có).	0→4	

Stt	Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
		(với thang điểm 1000)	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
IV	Các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động:	250	200
	<i>(Tùy theo mức độ đáp ứng các yêu cầu để chấm điểm)</i>		
IV.1	Các biện pháp bảo đảm chất lượng:	150	120
1	Sơ đồ quản lý chất lượng:	0→50	
	Lập hệ thống quản lý chất lượng để thực hiện nội dung quản lý chất lượng được quy định tại Nghị định ND 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Nhà thầu lập hệ thống quản lý chất lượng của mình trên cơ sở hệ thống điều hành từ Trụ sở chính đến công trường để kiểm soát chặt chẽ mọi khâu trong suốt quá trình thi công xây dựng:		
	- Mô hình hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu được áp dụng cho toàn bộ quá trình thi công gói thầu;	0→10	
	- Bộ máy nhân sự trong hệ thống quản lý chất lượng sẽ được áp dụng cho gói thầu;	0→10	
	- Quy định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận tham gia thi công trong việc quản lý chất lượng công trình;	0→10	
	- Có hệ thống quản lý chất lượng được chứng nhận ISO;	0→10	
	- Đề xuất phòng thí nghiệm LAS có chứng nhận hợp pháp hoặc có phương án bố trí các phòng thí nghiệm hiện trường (đảm bảo tuân thủ theo quy định hiện hành) thí nghiệm vật liệu, cụ thể:	0→10	
	+ Nêu rõ số lượng, trình độ nhân lực, thiết bị thí nghiệm.	0→3	

Stt	Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
		(với thang điểm 1000)	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
	+ Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho gói thầu.	0→3	
	+ Thuyết minh đầy đủ, rõ ràng, chi tiết công việc của tất cả các công tác thí nghiệm	0→4	
2	Quản lý chất lượng vật tư:	30	
	- Lập bảng danh mục toàn bộ vật tư, vật liệu, cấu kiện và thiết bị sẽ đưa vào gói thầu;	0→15	
	- Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị;	0→10	
	- Giải pháp xử lý vật tư, vật liệu và thiết bị phát hiện không phù hợp với yêu cầu của gói thầu.	0→5	
3	Quản lý chất lượng cho từng công tác thi công:	30	
	Có quy trình quản lý chất lượng theo từng công đoạn trong quy trình gia công, kiểm tra chất lượng, thi công lắp đặt, kiểm tra, nghiệm thu đưa vào sử dụng cho từng loại công tác thi công chủ yếu: Công tác đất, cấp phối đá dăm, BTXM, BTN, hệ thống thoát nước, hàng rào, đèn hiệu, biển báo, sơn kẻ tín hiệu, ...(theo các hạng mục công việc tại mục 2.1)	0→30	
4	Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão:	20	
	Có thuyết minh trình bày giải pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão. Giải pháp phải hợp lý, logic, phù hợp với biện pháp tổ chức thi công đề xuất.	0→20	
5	Biện pháp sửa chữa, khắc phục khi có hư hỏng trong quá trình thi công:	20	

Stt	Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
		(với thang điểm 1000)	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
	Có thuyết minh trình bày giải pháp sửa chữa, khắc phục khi có hư hỏng trong quá trình thi công đảm bảo tiến độ triển khai công việc. Giải pháp phải hợp lý, logic, phù hợp với biện pháp tổ chức thi công đề xuất	0→20	
IV.2	Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động.	100	80
1	Các biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường không ảnh hưởng đến khu vực xung quanh công trình:	0→30	
	- Bụi và khói ảnh hưởng đến khu vực dân cư lân cận;	0→10	
	- Kiểm soát nước thải, rác thải, vệ sinh;	0→10	
	- Luồng tuyến di chuyển của các thiết bị ra vào công trường, biện pháp xử lý vật liệu rơi vãi trên đường vận chuyển.	0→10	
2	Phòng cháy, chữa cháy:	0→30	
	- Quy định, quy phạm tiêu chuẩn;	0→10	
	- Các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ trong quá trình thi công.	0→10	
	- Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ tại công trường.	0→10	
3	An toàn lao động trong phạm vi thi công trường và khu vực xung quanh:	0→40	
	- Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động;	0→8	

Stt	Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
		(với thang điểm 1000)	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
	- Biện pháp bảo đảm an toàn người lao động cho từng công đoạn thi công;	0→8	
	- An toàn giao thông ra vào công trường;	0→8	
	- Bảo đảm an ninh công trường; quản lý nhân sự, thiết bị;	0→8	
	- Quản lý an toàn cho công trình và cư dân xung quanh công trường.	0→8	
V	Mức độ đáp ứng về yêu cầu bảo hành, bảo trì	50	40
	Thời gian bảo hành công trình (<i>Nhà thầu có E-HSĐT đề xuất thời gian bảo hành thấp hơn 24 tháng sẽ không được chấm điểm ở mục này</i>):		
	a) Có cam kết thời gian bảo hành công trình	35	
	- Thời gian bảo hành: > 24 tháng (kéo dài thêm 01 tháng được cộng 01 điểm, tối đa không quá 05 điểm);	35	
	- Thời gian bảo hành: 24 tháng.	30	
	b) Nhà thầu trình bày đầy đủ, rõ ràng các biện pháp kế hoạch kiểm tra, bảo hành, bảo trì công trình trong thời gian bảo hành.	15	
VI	Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyên, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có)	10	8
	<i>(Chấm điểm tùy theo mức độ hợp lý, khả thi)</i>		

Stt	Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
		(với thang điểm 1000)	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
	- Nhà thầu trình bày đầy đủ, rõ ràng và có các tài liệu chứng minh các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có).	10	
	- Không có tài liệu hoặc không đúng nội dung yêu cầu.	0	
VII	Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP:	50	
1	Thông tin về uy tín của nhà thầu trong việc tham dự thầu	25	
	- Nhà thầu không có các hành vi vi phạm trong quá trình tham dự thầu quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (cung cấp tài liệu chứng minh hoặc cam kết của đại diện theo pháp luật của Nhà thầu)	25	
	- Nhà thầu: + Vi phạm trong quá trình tham gia dự thầu \geq 01 lần hoặc + Không có tài liệu hoặc không có cam kết hoặc cam kết không đúng nội dung yêu cầu.	0	
2	Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu	25	
	- Nhà thầu không có hợp đồng vi phạm các quy định tại Khoản 3 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (cung cấp tài liệu chứng minh hoặc cam kết của đại diện theo pháp luật của Nhà thầu)	25	
	- Nhà thầu:	0	

Stt	Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
		(với thang điểm 1000)	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
	+ Vi phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng ≥ 01 lần + Không có tài liệu hoặc không có cam kết hoặc cam kết không đúng nội dung yêu cầu.		
	Tổng cộng	1000	800

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất⁴:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có): Không áp dụng.

⁴ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.